TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN,TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hà; Bà Mai Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2020/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Mã Thị V – sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

* Bị đơn: Anh Trương Văn T – sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Mã Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn T tổ chức kết hôn theo phong tục truyền thống ngày 16/9/2001, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên bài bạc, uống rượu, gây sự đánh đập vợ con, bạo lực gia đình nhiều lần. Mặc dù đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên ngăn, giải quyết nhưng anh T vẫn không từ bỏ được. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, không thể sống chung với

nhau được nữa, nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trương Văn V – sinh ngày 20/10/2002 và Trương Anh T – sinh ngày 27/5/2011. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cả 02 cháu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị V và anh T có 01 ngôi nhà cấp 4, lợp ngói, 02 gian, diện tích khoảng 20m2, làm trên diện tích đất mang tên ông Mã Văn C (là bố đẻ chị V) tại thôn 7, xã Nga Tân cho mượn năm 2009, trị giá khoảng 10.000.000đ. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên không có ý kiến của anh T về việc chị V yêu cầu ly hôn. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt chị V, vắng mặt anh T nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

* Ngày 10/7/2020, chị Mã Thị V làm đơn rút yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung của chị và anh T.

* Phiên tòa ngày 04/9/2020 anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Trương Văn T.

* Do vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Mã Thị V đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Trương Văn T không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mã Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227;

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị Mã Thị V và anh Trương Văn T tổ chức kết hôn theo phong tục truyền thống vào ngày 16/9/2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/10/2011, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị V là hoàn toàn chính đáng, bởi trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh được biết cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên bài bạc, uống rượu, gây sự đánh đập vợ con. Mặc dù đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên ngăn, giải quyết nhiều lần, nhưng anh T vẫn không từ bỏ được. Chị V và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chứng tỏ, anh T không có sự níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mã Thị V đối với anh Trương Văn T.

[3] Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung là Trương Văn V – sinh ngày 20/10/2002 và Trương Anh T – sinh ngày 27/5/2011. Xét thấy, cần giao cả 02 cháu V và T cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế. Bởi vì, qua xác minh được biết hiện nay cả 02 cháu ở cùng với chị V, đang được chị V chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập ổn định. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án các cháu V và T đã làm bản tự khai với nguyện vọng xin được ở với chị V.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Ngày 10/7/2020 chị V làm đơn rút yêu cầu giải quyết về tài sản và tại phiên tòa chị V không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Anh Trương Văn T không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, cần dành quyền dân sự cho anh T khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Mã Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mã Thị V. Cho chị Mã Thị V ly hôn anh Trương Văn T.

* Về con chung: Giao cả 02 cháu Trương Văn V – sinh ngày 20/10/2002 và Trương Anh T – sinh ngày 27/5/2011 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị V không được cản trở.

* Dành quyền dân sự cho anh Trương Văn T khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản.

* Về án phí: Chị Mã Thị V phải nộp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 425.000đ (*Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0010808 ngày 02/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị V được nhận lại số tiền 125.000đ (*Một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Hùng